

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HS-PT

Ngày: 23/02/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Thẩm phán: - Ông Ong Thân Thắng.

- Ông Nguyễn Văn Nhiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện VKSND tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/02/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 302/TLPT-HS ngày 01/12/2021 đối với bị cáo Hoàng Văn Th do có kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn Th đối với bản án hình sự sơ thẩm số 73/2020/HSST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ng, tỉnh B.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: **Hoàng Văn Th**, sinh năm 1992.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: thôn Ao Nhãn, xã Tân H, huyện Lục Ng, tỉnh B;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không; bố đẻ Hoàng Văn Th1, sinh năm 1960; mẹ đẻ: Vi Thị N, sinh năm 1962; Vợ: Triệu Thị H, sinh năm 1992; Con: Có 03 con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh ngày 13/9/2020); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú ngày 20/5/2020, hiện tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn Th:* Ông Hoàng Trọng Nghĩa, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (Có mặt).

(Trong vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác nhưng không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng năm 2009-2010, Hoàng Văn Th, sinh năm 1992 ở thôn Ao Nhãn, xã Tân H, huyện Lục Ng, tỉnh B đã nhiều lần đi theo mọi người vượt biên hoặc đi bằng sổ thông hành sang Trung Quốc làm thuê, nên Th biết cách thức có thể sang được Trung Quốc lao động. Do thấy ở địa phương có nhiều người

muốn sang Trung Quốc làm thuê, nên bị cáo Th đã nảy sinh ý định đưa người lao động sang Trung Quốc làm thuê để được hưởng tiền công từ người chủ Trung Quốc. Từ tháng 11/2018 đến tháng 11/2019, Hoàng Văn Th đã 04 lần đưa 30 người (với 35 lượt) vượt biên và giấy thông hành sang chặt mía tại tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, cụ thể như sau:

Chuyến thứ 1: Khoảng tháng 11/2018 (*tháng 10 âm lịch*), thông qua Nông Thị H1, sinh năm 1983 ở cùng thôn, lấy chồng ở tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc (*Hường là chị gái của Nông Thị L, là chị dâu Th*), Th có số điện thoại của người chủ ở tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc có nhu cầu thuê lao động chặt mía. Sau khi có số điện thoại, Th liên hệ với người chủ này và thống nhất tiền công chặt mía là 1,5NDT/bó mía; chỗ ở do chủ Trung Quốc lo; tiền ăn và tiền xe bên Trung Quốc do chủ Trung Quốc trả trước và sẽ trừ vào tiền công lao động; mỗi người lao động đưa sang Th được trả công là 100NDT/01 người. Khi Th đi tìm người lao động hoặc thông qua người lao động để tìm người có nhu cầu muốn sang Trung Quốc, Th nói với người lao động tiền công chặt mía, chỗ ăn, ở như đã thống nhất với người chủ Trung Quốc; chi phí đi là 250.000 đồng, đi bằng hình thức vượt biên, Th sẽ bố trí xe đưa đón người lao động đến chỗ làm. Th đã trực tiếp tìm gặp và rủ được Chu Thị C, sinh năm 1966 ở thôn Cầu Nhạc, xã Phong V, huyện Lục Ng; Chu Văn I, sinh năm 1976 ở thôn Rì, xã Phong V, huyện Lục Ng; Dương Văn S, sinh năm 1986 cùng vợ là Hoàng Thị M1, sinh năm 1989 ở thôn Khuôn Cầu, xã Tân H, huyện Lục Ng; Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 ở thôn Hòa Trong, xã Tân Lập, huyện Lục Ng (*mẹ vợ của Th*). Ngoài ra còn có Chu Thị X, sinh năm 1972 ở thôn Cầu Nhạc, xã Phong V, huyện Lục Ng đi theo Chu Thị C; Chu Văn Th2, sinh năm 1987 ở làng Rì, xã Phong V, huyện Lục Ng theo Chu Văn I; Triệu Văn Th3, sinh năm 1995 và Triệu Văn T2, sinh năm 1981 đều ở thôn Hòa Trong, xã Tân Lập, huyện Lục Ng đi theo Tâm. Sau khi có 09 người đi, Th liên hệ với người chủ Trung Quốc thông báo để người chủ sắp xếp chỗ ăn ở, công việc. Đến ngày đi, Th thuê xe ô tô của một người trên Lạng Sơn (*đến nay Th không nhớ là ai*), đón số người lao động trên tại xã Tân H, xã Phong V, huyện Lục Ng đưa đến ngã ba huyện Lộc B, tỉnh Lạng S. Sau đó đón xe “cóc” đưa các lao động đến khu vực cửa khẩu Chi Ma. Khi thuê xe “cóc” Th đưa số điện thoại của người chủ Trung Quốc cho người lái xe “cóc” và dặn người này thuê người đưa lao động vượt biên trái phép qua khu vực cửa khẩu Chi Ma và liên hệ với người chủ Trung Quốc bố trí xe để đón người lao động, đồng thời Th thông báo cho người chủ Trung Quốc biết. Bố trí, sắp xếp xong, Th bắt xe đi lên cửa khẩu Hữu Nghị, tỉnh Lạng S và đi sang Trung Quốc, đến chỗ làm bằng giấy thông hành. Làm được khoảng 01 tháng thì hết việc, Th bảo người chủ Trung Quốc thuê xe ô tô đưa 09 lao động ra khu vực biên giới rồi thuê người đưa biên đưa các lao động về Việt Nam. Do tiền công của các lao động chặt mía là tiền Trung Quốc, nếu cầm đi qua biên giới sẽ không an toàn, nên Th đã liên hệ với Hoàng Thị Th2 sinh năm 1988 ở số 259, khu Lao Động, thị trấn Lộc Bình, tỉnh Lạng S làm dịch vụ đổi tiền Trung Quốc sang tiền Việt Nam và được Thảo cho số tài khoản ngân hàng. Th bảo người chủ Trung Quốc tính tiền công của từng người

và nhờ chủ mía chuyển tiền vào tài khoản của Thảo. Thảo bảo người lao động, khi nào vượt biên về Việt Nam đến ngã ba Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn gặp Thảo để lấy tiền. Thảo ở lại Trung Quốc và về Việt Nam qua cửa khẩu Hữu Nghị bằng giấy thông hành. Chuyến này Thảo được chủ Trung Quốc trả tiền công là khoảng 900 NDT (*Thảo đổi được 2.970.000 Việt Nam đồng*)

Chuyến thứ 2: Tương tự như chuyến thứ nhất, khoảng tháng 02/2019 (tháng 01 âm lịch), Thảo tổ chức đưa 07 người lao động sang tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc chặt mía thuê cho một người tên là Hộ. Quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra xác chỉ xác định được 03 người lao động gồm Chu Thị C, Chu Thị X, Chu Văn I, còn lại không xác định được. Căn cứ vào lời khai của Thảo, lời khai của những người lao động đủ căn cứ xác định Thảo đã tổ chức đưa 07 người sang Trung Quốc lao động bất hợp pháp. Chuyến này Thảo được trả công khoảng 700 NDT (*Thảo đổi được 2.310.000 Việt Nam đồng*)

Chuyến thứ 3: Khoảng đầu tháng 4/2019, Thảo đến nhà chị Nông Thị L, sinh năm 1985 ở thôn Ao Nhân, xã Tân H, huyện Lục Ngạn (*Lý là chị dâu của Thảo*). Lý nói chuyện muốn đi Trung Quốc làm thuê, Lý hỏi Thảo xem có chỗ nào để đi làm. Sau đó, Thảo đã gọi điện cho một ông chủ mía bên tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc tên là Mừng thì được biết ông Mừng đang cần 02 nhóm người lao động, mỗi nhóm khoảng 6-7 người, tiền công 1,5NDT/bó. Thảo nói lại cho Lý biết, bảo Lý xem có ai đi cùng thì báo cho Thảo biết. Để đủ 02 nhóm chặt mía, Thảo đã liên hệ với bà Chu Thị C, bảo bà C tìm người để Thảo đưa sang Trung Quốc. Lý đã tìm được 05 người trên địa bàn huyện Lục Ngạn gồm: Vũ Thị H3, sinh năm 1983 ở thôn Vật Phú, xã Tân H; Hoàng Thị L2, sinh năm 1981 ở thôn Chay, xã Phi Điền; Nông Văn T3, sinh năm 1979 ở thôn Thanh Văn 1, xã Tân H; Vương Văn B, sinh năm 1993 ở xóm Cũ, xã Tân H; Đường Thị V, sinh năm 1982 ở thôn Ao Nhân, xã Tân H. Chu Thị C đã tìm được 05 người gồm: Lý Văn Đ, sinh năm 1995; Lý Văn M, sinh năm 1979; Lý Văn H3, sinh năm 1991; Vi Thị Th4, sinh năm 1993; Hứa Thị S, sinh năm 1973 đều ở cùng thôn. Sau khi có 12 người lao động, Thảo thuê xe ô tô của Hoàng Văn H4, sinh năm 1986 ở cùng thôn để đón người lao động. Sáng ngày 11/4/2019 (ngày 07/3 âm lịch), Thảo đón lao động đưa lên ngã ba cây xăng huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn. Thảo gọi điện cho Lý Văn D2, sinh năm 1993 ở thôn Chi Ma, xã Yên Kh, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn là lái xe “cóc” đến đưa các lao động vượt biên trái phép qua khu vực cửa khẩu Chi Ma, huyện Lộc B. Thảo đưa cho Duy 1.200.000 đồng và nhờ Duy như đã nhờ người lái xe cóc ở chuyến 1. Bố trí cho người lao động xong, Thảo không sang Trung Quốc mà cùng Hạnh về nhà. Khoảng 05 ngày sau khi sang Trung Quốc, những người lao động này bị Công an Trung Quốc bắt giữ, đến cuối năm 2019 mới được thả về Việt Nam. Chuyến này Thảo không được hưởng lợi.

Chuyến thứ 4: Khoảng tháng 11/2019 (tháng 10 âm lịch), Thảo tiếp tục tổ chức đưa 07 người lao động sang chặt mía thuê cho ông Mừng gồm: Đặng Văn Tr, sinh năm 1981; Đặng Văn T5, sinh năm 1976; Triệu Văn L3, sinh năm 1969; Đặng Đức Ch, sinh năm 1978 đều ở thôn Khuôn Thần, xã Kiên L, huyện Lục Ngạn, tỉnh B; Hàn Thị H6, sinh năm 1984; Hoàng Văn M1, sinh năm 1981; Hoàng Văn V, sinh năm

1990 đều ở thôn Thượng, xã Đồng C, huyện Lục Ng. Tuy nhiên, do người lao động đi chuyến thứ 3 bị bắt, nên Th nói sẽ đi sang Trung Quốc chặt mía bằng giấy thông hành. Th thu của mỗi lao động 350.000 đồng (gồm tiền xe và tiền làm sổ thông hành) bảo các lao động chụp giấy chứng minh thư gửi qua phần mềm Zalo cho Th. Sau đó, Th liên hệ và gửi ảnh chứng minh nhân dân của người lao động cho Phùng Thị Bích H6, sinh năm 1988 ở số 129, đường Trần Hưng Đạo, phường Chi Lăng, thành phố Lạng S, tỉnh Lạng S, làm dịch vụ cấp giấy thông hành. Ngày 24/11/2019, Th tiếp tục thuê xe ô tô của Hoàng Văn H4 đưa 07 người lao động lên Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Lạng S gặp Hiền để làm thủ tục cấp giấy thông hành. Do Hường, Minh có việc nên không tiếp tục sang Trung Quốc. Th đưa 05 người còn lại lên cửa khẩu Hữu Nghị, sáng ngày 25/11/2019 xuất cảnh sang Trung Quốc, làm các thủ tục khám sức khỏe, giấy tạm trú, liên hệ với ông Mừng đón người lao động đến chỗ làm. Đến đầu tháng 12/2019, Hường và Minh sang Trung Quốc được Th đón đến chỗ làm. Đến tháng 01/2020 thì số người này về nước. Chuyến này Th được ông Mừng trả công khoảng 700 NDT (Th đổi được 2.310.000 Việt Nam đồng).

Ngày 10/12/2019, Lý Văn Đ (là người sang Trung Quốc lao động bất hợp pháp ở chuyến 3) đến Công an huyện tố cáo hành vi của Th. Sau khi xác minh, xác định vụ việc có dấu hiệu tội phạm, không thuộc thẩm quyền giải quyết nên ngày 15/5/2020, Công an huyện Lục Ng bàn giao vụ việc cho Cơ quan An ninh điều tra để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 20/5/2020, Hoàng Văn Th đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh B đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên; ngày 02/6/2020 Th giao nộp cho Cơ quan An ninh điều tra 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo và 01 sổ thông hành của Th.

Những người lao động được Hoàng Văn Th đưa sang Trung Quốc lao động bất hợp pháp đều khai nhận phù hợp với lời khai của Th. Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh B đã có Văn bản đề nghị Công an các xã nơi cư trú của người lao động giáo dục, nhắc nhở.

* Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 73/2020/HSST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ng, tỉnh B đã xét xử và quyết định:

Căn cứ Điều a khoản 3, khoản 4 Điều 349; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; và Điều 38 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 136; Điều 333 và Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6, Điều 12, Điều 21, 23, 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn Th phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

Xử phạt: Hoàng Văn Th **08 (Tám)** năm tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Ngày 09/10/2020 bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ khắc phục hậu quả và xin miễn tiền phạt bổ sung.

* Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị cáo trình bày: Về tội danh bị cáo không có ý kiến gì, án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai.

- Bị cáo Th và người bào chữa cho bị cáo thống nhất trình bày: Đề nghị hội đồng xét xử cho bị cáo giảm nhẹ hình phạt do bị cáo đã khắc phục hậu quả. Đồng thời, bản thân bị cáo cảm thấy vô cùng ăn năn hối lỗi, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, có 03 con còn nhỏ, con bị ốm yếu liên tục điều trị ở bệnh viện, điều kiện kinh tế khó khăn nên đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Bị cáo có ông nội là ông Hoàng Văn Th3 được tặng thưởng huy chương kháng chiến của Thủ tướng chính phủ năm 1996, Huân chương kháng chiến hạng nhì của Chủ tịch nước năm 1990. Bị cáo đã cố gắng vay mượn để nộp tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm là 10.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã kết luận và đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn Th. Sửa bản án sơ thẩm số 73/2020/HS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ng, tỉnh B.

- Đề nghị: Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 349; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 333 và Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6, Điều 12, Điều 21, 23, 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn Th phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

Xử phạt: Hoàng Văn Th 06 (sáu) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền 20.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước. Được trừ đi số tiền 10.000.000 đồng bị cáo đã nộp Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ng. Bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 10.000.000 đồng.

* Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo không có ý kiến gì về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt. Về hình phạt bổ sung đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo ở mức khởi điểm là 10.000.000 đồng.

- Bị cáo Hoàng Văn Th tranh luận: Không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến việc kháng cáo và không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không triệu tập. Sự vắng mặt không ảnh hưởng việc xét xử, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về tội danh xét xử đối với bị cáo Hoàng Văn Th, HĐXX xét thấy: Trong thời gian từ tháng 11/2018 đến ngày 25/11/2019, Hoàng Văn Th, mặc dù không có chức năng đưa người đi xuất khẩu lao động, nhưng đã 04 lần tổ chức đưa 30 người (với 35 lượt) trên địa bàn huyện Lục Ng vượt biên trái phép sang Trung Quốc lao động bất hợp pháp cụ thể như sau: Lần 1 Hoàng Văn Th đưa 09 người; Lần 2 Hoàng Văn Th đưa 07 người; Lần 3 Hoàng Văn Th đưa 12 người; Lần 4 Hoàng Văn Th đưa 07 người. Ngoài ra Hoàng Văn Th còn được hưởng lợi từ việc tổ chức đưa người sang Trung Quốc, được người bên Trung Quốc trả là 7.590.000đ (Bảy triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng).

Hành vi nêu trên của bị cáo Hoàng Văn Th đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 349 Bộ luật hình sự. Do đó, bản án hình sự sơ thẩm số 73/2020/HS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ng, tỉnh B xét xử bị cáo Hoàng Văn Th theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 349 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng quy định pháp luật, không oan sai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị về tội danh, vì vậy HĐXX không đặt ra xem xét.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin miễn tiền phạt bổ sung của các bị cáo, HĐXX thấy:

[3.1]. Xét tính chất và hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng đã cố ý tổ chức cho người khác trốn ra nước ngoài trái phép. Hành vi phạm tội của bị cáo gây mất trật tự, an ninh vùng biên giới, gây khó khăn cho công tác quản lý của Nhà nước về xuất nhập cảnh. Do vậy, Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo 08 năm tù là có căn cứ, không nặng.

[3.2]. Đánh giá về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo Hoàng Văn Th thì thấy:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố xét xử bị cáo Hoàng Văn Th thành khẩn, khai báo, ăn năn hối cải, số tiền (7.590.000 đ) được hưởng lợi từ việc tổ chức đưa người khác sang Trung Quốc lao động bị cáo đã tự nguyện đem đến Cơ quan thi hành án dân sự huyện Lục Ng để giao nộp. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51

Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra bị cáo Hoàng Văn Th đã ra đầu thú, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo, nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bản án sơ thẩm đã đánh giá bị cáo không có tình tiết tăng nặng và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 10.000.000đồng tiền phạt bổ sung và xuất trình Huân chương kháng chiến hạng nhì, Chứng nhận đã được thưởng huy chương kháng chiến của ông Hoàng Văn Th³ là ông nội bị cáo nên đây là tình tiết mới tại cấp phúc thẩm, cần xem xét áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Xét về nhân thân thì thấy: Bị cáo Hoàng Văn Th có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, thành phần người dân lao động, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

[3.3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án sơ thẩm đã đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và xét xử bị cáo với mức hình phạt 08 năm tù là có căn cứ pháp luật, không nặng. Tuy nhiên, xét bị cáo là người dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật còn hạn chế, số tiền được hưởng lợi từ việc tổ chức đưa người khác sang Trung Quốc lao động bị cáo đã tự nguyện đem đến Cơ quan thi hành án dân sự huyện Lục Ng để giao nộp. Tại cấp phúc thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp tiền phạt bổ sung với số tiền 10.000.000đồng và xuất trình chứng nhận huân, huy chương kháng chiến của ông nội bị cáo. Nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xem xét cho bị cáo được hưởng mức án ở dưới mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp và đảm bảo tính nhân đạo của pháp luật như đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh B và người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.3]. Xét yêu cầu kháng cáo xin miễn hình phạt bổ sung của bị cáo: Theo quy định tại khoản 4 Điều 349 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ, xét thấy bị cáo Hoàng Văn Th không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Chính phủ, nên phạt tiền bổ sung đối với bị cáo là cần thiết. Cấp sơ thẩm đã xử phạt bổ sung bị cáo 20.000.000đồng là có căn cứ và phù hợp với khung hình phạt bị cáo bị xét xử. Tuy nhiên, xét bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, con còn nhỏ lại thường xuyên bị bệnh, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xem xét xử phạt bổ sung bị cáo với mức khởi điểm là 10.000.000đồng là có căn cứ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin miễn hình phạt bổ sung nhưng có căn cứ giảm hình phạt bổ sung cho bị cáo. Xác nhận bị cáo đã nộp 10.000.000đồng tiền phạt bổ sung tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ng.

[4]. Từ những nội dung trên, HĐXX thấy có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, khoản 1, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Sửa bản án sơ thẩm số 73/2020/HSST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ng, tỉnh B, cho bị cáo Th được hưởng

dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là 6 năm tù và phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đồng.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn Th. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 73/2020/HSST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ng, tỉnh B.

Căn cứ Điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 349; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 333 và Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6, Điều 12, Điều 21, 23, 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

2. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn Th phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

Xử phạt: Hoàng Văn Th **06 (Sáu)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền 10.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

Xác nhận bị cáo đã nộp 10.000.000đồng tiền phạt tại biên lai số AA/2018/0000806 ngày 23/02/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ng, tỉnh B. Xác nhận bị cáo đã thi hành xong hình phạt bổ sung.

3. Về án phí:

- Bị cáo Hoàng Văn Th không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nhiên Ong Thân Thắng

Trần Thị Hà

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA huyện Lục Ng;
- Chi cục THADS huyện Lục Ng;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Hà

\